

Số: 491 /NMĐSH1-TM

Cần Thơ, ngày 10 tháng 03 năm 2026

V/v cung cấp báo giá hàng hóa “Mua sắm Vật tư thay thế hệ thống Băng tải và máy nghiền đá vôi của NMĐ Sông Hậu 1”

Kính gửi: Các nhà cung cấp

Chi nhánh phát điện Dầu khí/ Nhà máy Điện Sông Hậu 1 (NMĐ Sông Hậu 1) đang có nhu cầu triển khai mua sắm “Mua sắm Vật tư thay thế hệ thống Băng tải và máy nghiền đá vôi của NMĐ Sông Hậu 1”. NMĐ Sông Hậu 1 đề nghị Quý Công ty quan tâm, nghiên cứu và cung cấp báo giá cho hàng hóa nói trên với nội dung như sau:

1. Phạm vi công việc: chi tiết như Phụ lục đính kèm
2. Tiến độ cung cấp: Nhà cung cấp đề xuất tiến độ cung cấp tốt nhất để Nhà máy xem xét.
3. Địa điểm giao hàng: Kho Nhà máy Nhiệt Điện Sông Hậu 1, Ấp Phú Xuân, Xã Châu Thành, Thành phố Cần Thơ.
4. Hiệu lực báo giá: 90 ngày kể từ ngày chào giá.
5. Thời gian gửi báo giá: trước 15h ngày 24 /03/2026.
6. Phương thức gửi báo giá: gửi trực tiếp/bưu điện theo địa chỉ tiếp nhận báo giá hoặc qua email.
7. Thông tin liên hệ:

Người nhận: Phòng Thương mại – NMĐ Sông Hậu 1.

Địa chỉ: Nhà máy Nhiệt Điện Sông Hậu 1, Ấp Phú Xuân, Xã Châu Thành, Thành phố Cần Thơ

Email: giangtth@pvpgb.vn; hunglt@pvpgb.vn; haipdm@pvpgb.vn; dacnlm@pvpgb.vn; nhanbaogia.hn@pvpgb.vn.

NMĐ Sông Hậu 1 cảm ơn sự hợp tác của Quý Công ty./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD NMĐSH1 (để b/c);
- Lưu VT, TM (N.L.M.Đ).

**TL. GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH PĐDK
KT. GIÁM ĐỐC NMĐ SÔNG HẬU 1
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lương Khánh Duy

PHỤ LỤC: DANH MỤC HÀNG HÓA
(Đính kèm công văn số 491/NMĐSH1-TM ngày 10/03/2026)

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Số lượng	Đơn vị tính	Ghi chú
1	Băng tải cao su chống cháy B1400 x ST500 x (6+4)δ13	B1400 x ST500 x (6+4)δ13 - Chiều rộng băng tải: 1400±1% mm - Cường lực kéo đứt băng tải: ST.500 N/mm - Đường kính cáp: 3 mm - Bề dày lớp mặt : 6,0±0,2 mm - Bề dày mặt dưới: 4,0±0,2 mm - Bề dày tổng 13±5% Quy cách đóng gói bao gồm: - Với chiều dài: 303m/cuộn x 02 cuộn		Việt Nam	606	m	
2	Băng tải cao su chống cháy B1000xEP800/4x(7+3)	B1000xEP800/4 7+3mm - Khổ rộng: 1000mm - Lực kéo đứt: 800 N/mm - Số lớp bố chịu lực: 4 lớp - Cao su mặt trên: 7mm - Cao su mặt dưới: 3mm Quy cách đóng gói bao gồm: - Với chiều dài 137m/cuộn x 03 cuộn - Với chiều dài 210m/cuộn x 01 cuộn		Việt Nam	621	m	
3	Băng tải cao su chống cháy B1000 x ST630 x (6+4)δ14	B1000 x ST630 x (6+4)δ14 - Chiều rộng băng tải: 1000±1% mm - Cường lực kéo đứt băng tải: ST.630 N/mm - Đường kính cáp: 3,0±0,2 mm - Bề dày lớp mặt : 6,0±0,2 mm - Bề dày mặt dưới: 4,0±0,2 mm - Bề dày tổng 13±5% Quy cách đóng gói bao gồm: - Với chiều dài 375m/cuộn x 01 cuộn		Việt Nam	375	m	



Ghi chú:

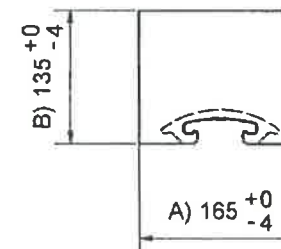
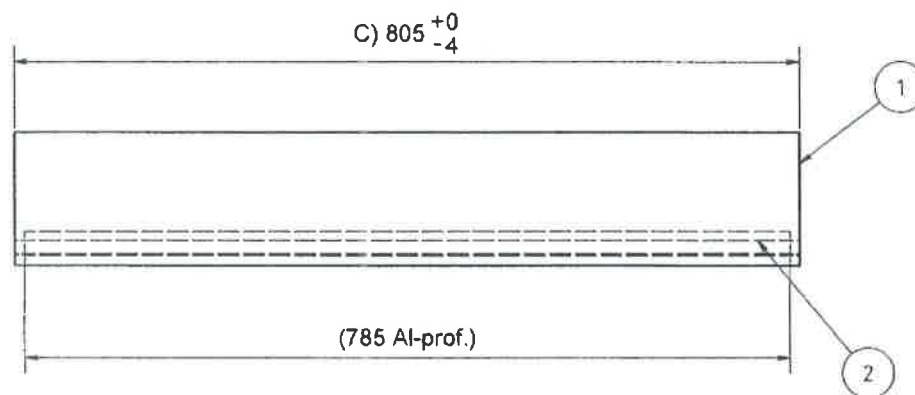
- Thuế giá trị gia tăng là tạm tính mức 10%, trong quá trình thực hiện hợp đồng mức thuế suất sẽ được điều chỉnh tại thời điểm nghiệm thu thanh toán phù hợp với quy định thuế của Chính phủ.

Yêu cầu khác:

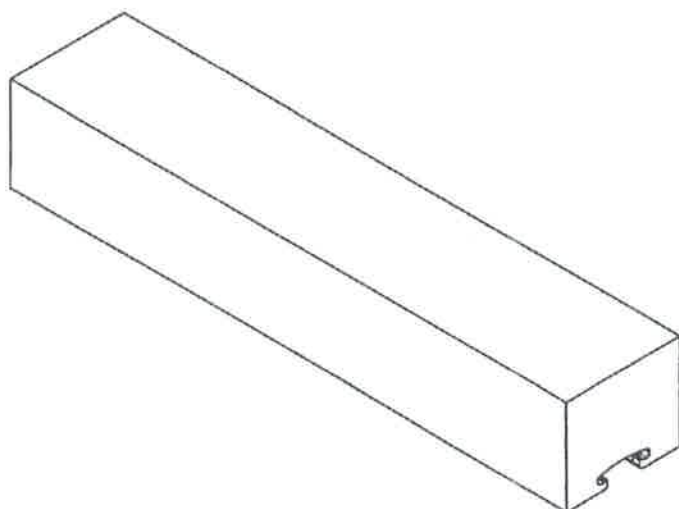
- Nhà thầu chào đầy đủ NSX, xuất xứ của hàng hóa;
- Tiến độ: Nhà thầu đề xuất tiến độ cung cấp tốt nhất để Nhà máy xem xét;
- Địa điểm giao hàng: Kho vật tư, Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1;
- Chất lượng hàng hóa: Hàng hóa phải đảm bảo mới 100%, chưa qua sử dụng và có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng;
- Chứng từ kèm theo hàng hóa:
 - + Hàng hóa phải có đầy đủ chứng chỉ xuất xứ (CO) nếu có, chứng chỉ chất lượng (CQ/COA), (bản gốc hoặc bản photo công chứng hoặc bản điện tử) hoặc tài liệu có tính chất tương tự;
 - + Bảo hành: 365 ngày kể từ ngày hàng hóa được đưa vào lắp đặt/sử dụng nhưng không dài hơn 550 ngày kể từ ngày được nghiệm thu, bàn giao hàng hóa.

Tämä piirustus on TEKNIKUM OY:n omaisuus eikä sitä saa ilman
TEKNIKUM OY:n suostumusta lainata, kopioida, jäljentää tai
muistaa eikä luovuttaa kolmannelle osapuolelle.

"This drawing is property of TEKNIKUM and must not be utilized,
copied, photographed nor it and its data be surrendered to a third
party without TEKNIKUM's consent in advance."



D) Al-profiili keskellä palkkia.
E) lukkolevy LL20/AP120P liukuu profiilissa.



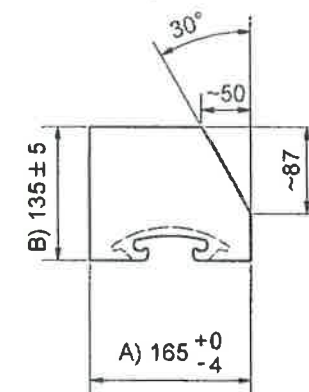
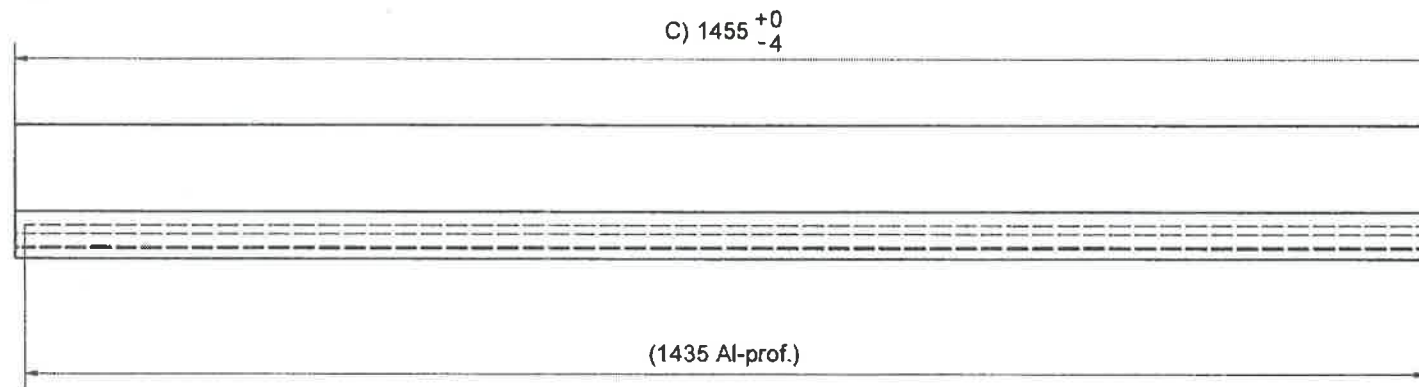
2	1	Al-profile		AP120P	1,2 l	3,2 kg
1	1	Rubber		TRL20	15,6 l	17,4 kg
ITEM	QTY	PART NUMBER	DESCRIPTION	MATERIAL	VOLUME	MASS
LAATIMINEN ISSUE	6.3.2019	VH	DATA ASSOCIATE	UUSI NEW		
KONE MACHINE			PET OSA PET PART	ENT FORMER		
KUUS SHRINKAGE			TUOTEPIIRI PRODUCT DWG	LOD		
PIEISTOLERANSSIT TOLERANCES			Lifter			
 M-38211 SASIAPALA FINLAND PHONE +358 151711 FAX +358 15163 151			CP / Hamon / FE N165x135x805	MUOTTI JA TAIPIRIN MOULD AND/OR DRAWING NUMBER OF DWG MT14270RT		
				REVISIO NO:	rev0	



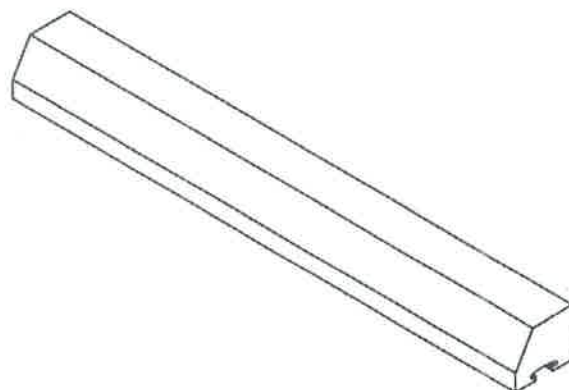
6

Tämä perustus on TEKNIKUM OY:n omaisuus eikä sitä saa ilman
TEKNIKUM OY:n erillistä lupaa kopioida, jäljentää tai
muistaa eikä luovuttaa kolmannelle osapuolelle.

"This drawing is property of TEKNIKUM and must not be utilized,
copied, photographed etc. and its data be surrendered to a third
party without TEKNIKUM's consent in advance."



- D) Al-profiili keskeillä palkkia.
E) Lukkolevy LL20/AP120P liukuu profiilissa.

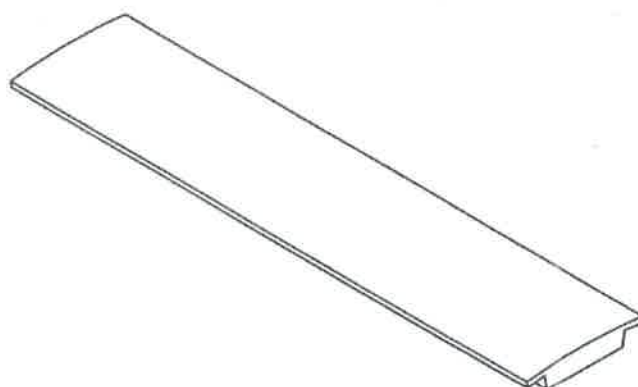
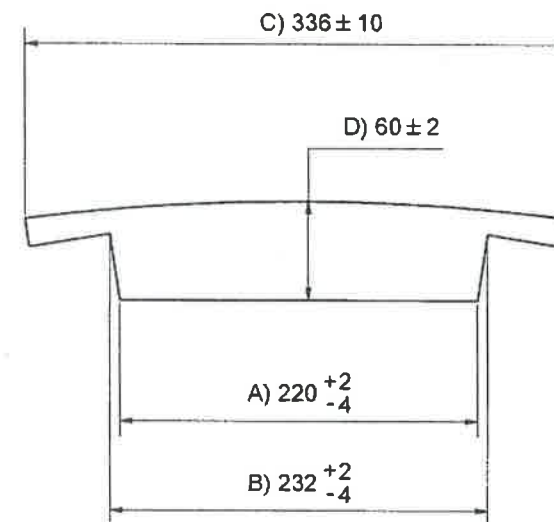
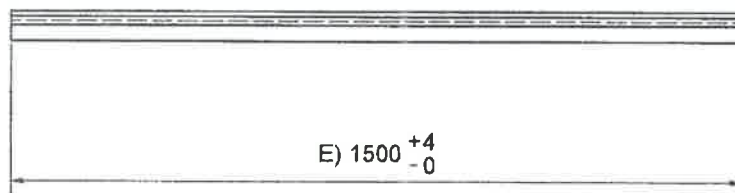


2	1	rubber			TRL20	24,9 l	27,9 kg
1	1	Al_prof			AP120P	2,2 l	5,9 kg
ITEM	QTY	PART NUMBER	DESCRIPTION		MATERIAL	VOLUME	MASS
LAATIMINEN	7.3.2019	VH	LASTI		UUSI		
REKUP			ASSOCIATE		NEW		
KONE			MET.GSA		ENT		
MACHINE			MET.PART		FORMER		
KUT %			TUOTEPIIRI		CAD		
SHRINKAGE			PRODUCT DWG				
PLER.TOLERANSSIT							
TOLERANCES							
TEKNIKUM PL-16711 SASTI OY FIN-41400 PHONE: +358 3 51211 FAX: +358 3 5143 137			A3 Lifter CP / Harmon / shell V165x135x1455		MUOTTI JA TAI PIIRIN MOULD AND/OR DRAWING NUMBER OF DWG MT14270RR		
REVISIO NO:						rev0	

7

"Tämä piirustus on TEKNIKUM OY:n omaisuutta eikä sitä saa lainata, kopioida, jäljentää tai muuten julkistaa kolmannelle osapuolelle."

"This drawing is property of TEKNIKUM and must not be utilized, copied, rephotographed nor it and its data be surrendered to a third party without TEKNIKUM's consent in advance."

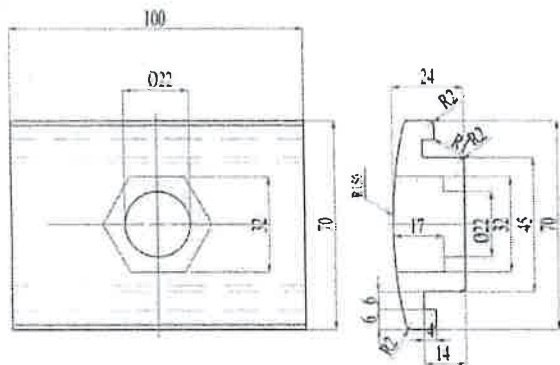


1	1	MT14271FL	VL60x232x1500	TRL20	22,4 l	25,1 kg
ITEM	QTY	PART NUMBER	DESCRIPTION	MATERIAL	VOLUME	MASS
LAATIMUS ISSUE	8.3.2019	VH	LETTY ASSOCIATE	UUSI NEW		
KONE MACHINE			PII.TOSA MET PART	ENT. FORMER		
KUTSU SHRINKAGE			TUOTEPIIR. PRODUCT DWG	CAD		
YLEISTOLERANSSIT TOLERANCES			Shell plate	HUOMIO JA TAI PIIRIN MOULD AND/OR DRAWING NUMBER OF DWG MT14271FL		
			CP / Hamon / shell			
			VL60x232x1500			
				REVISIO NO:	rev0	

TEKNIKUM
FINLAND
P.O. BOX 100
FIN-00010
PHONE +358 9 51211
FAX +358 9 5143 137

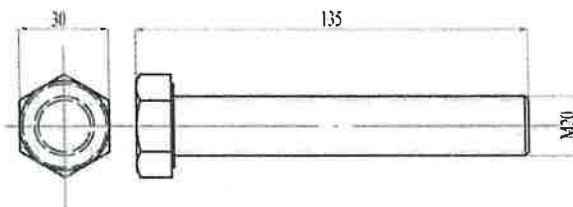
CHÍNH
DIỆN
DÀN CỎ
LƯỢNG
VIỆT
PHỐ

6



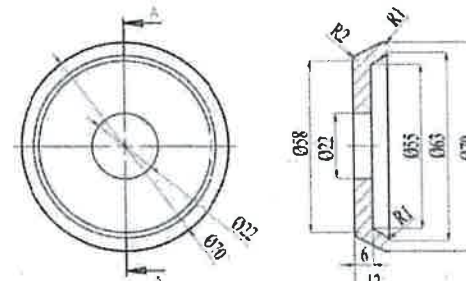
Tấm đệm 100x70x24

VL: CT3; SL: 01
Sơn epoxy màu đỏ



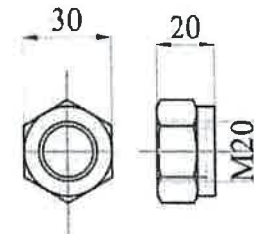
Bulon M20x135, Tiêu chuẩn DIN933

Bước ren 2.5, Cấp bền 8.8, SL: 01



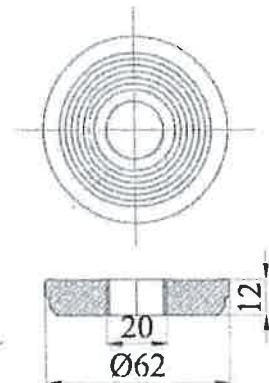
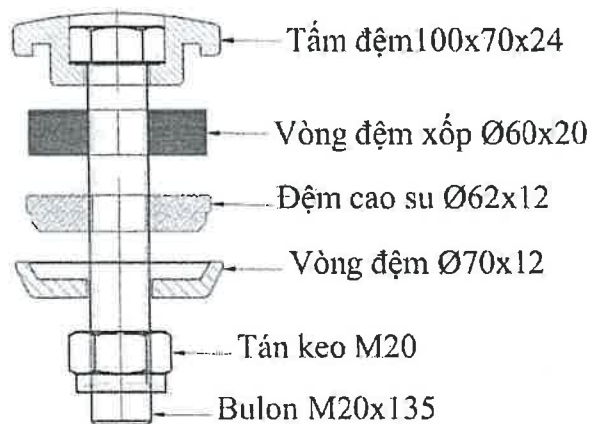
Vòng đệm Ø70x12

VL: CT3; SL: 01
Sơn epoxy màu xanh



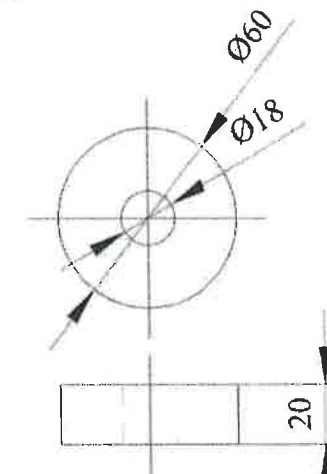
Tán keo M20x2,5

Cấp bền 8.8, SL: 01



Vòng đệm cao su Ø62x12

Số lượng: 01



Vòng đệm xốp Ø60x20

	NAME	SIGNATURE	DATE	TITLE:		
DRAWN				Bộ Bulong Neo M20x135		
CHK'D						
APPV'D						
				MATERIAL:	DWG NO.	A4
				SCALE:	WEIGHT:	SHEET 1 OF 1

Nha máy
Nhiệt điện Sông Hậu 1

